TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2024.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Ngọc Nam.
+ Ông Phan Công Minh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm- Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 904/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thụy Thúy V, sinh năm: 1994.
Địa chỉ: Tổ D, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn:* Anh Đào H, sinh năm: 1993.
Địa chỉ: Tổ B, khu B, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Chị V có đơn xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2023 và lời khai của chị Trần Thụy T V trình bày: Chị và anh Đ xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 13/12/2016, cả hai đều tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vấn đề kinh tế gia đình không ổn định, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường hay gây gỗ, cãi vã và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, không có bàn bạc đoàn tụ. Nay, chị xác định tình cảm vợ không còn, yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

+ Bị đơn anh Đào Hải Đăng không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị V, cho chị V được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ nhưng anh Đ không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thụy Thúy V có đơn tranh chấp ly hôn với anh Đào Hải Đ1. Địa chỉ: Xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thụy Thúy V và anh Đào H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/12/2016 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị V và anh Đ1 có những bất đồng về quan điểm sống, khó khăn về kinh tế, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường hay gây gỗ, cải vã, vợ chồng chị V đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, không bàn bạc đoàn tụ, không còn quan tâm gì đến nhau. Chị V xác định, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nhận thấy, điều kiện để chị V và

anh Đ1 đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét, yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[8] Án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Trần Thụy Thúy V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thụy T Vy đối với anh Đào Hải Đ1 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Cho chị Trần Thụy Thúy V được ly hôn anh Đ2.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Chị Trần Thụy Thúy V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0008073 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. (chị V đã nộp xong)

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh